

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm
2. Ông Lương Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2022 về việc: “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú: Khu vực 2, phường 4, thị xã V, tỉnh Hậu G, tạm trú: Tổ 8, khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh B. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước A, sinh năm 1991, hộ khẩu: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh A, chỗ ở hiện nay: Tổ 11, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 06/10/12/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P trình bày:

Bà P và ông Nguyễn Phước A đăng ký kết hôn ngày 24/02/2016 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh A. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Bà P và ông A cùng tạm trú tại tổ 8, khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh B. Sau đó, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông A không chịu khó làm ăn mà ham chơi, không lo lắng cho gia đình. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân, ông A bỏ ra ngoài sống riêng và ở trọ tại tổ 11, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B từ khoảng tháng 10/2021 cho đến nay.

Sau khi sống riêng thì vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mâu thuẫn giữa bà P và ông A đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông A, đề nghị Tòa án chấp nhận cho tôi ly hôn để bà P sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông A không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Phước A:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Phước A. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông A theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân phường nơi bị đơn cư trú và trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Nguyễn Phước A không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà P giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đề nghị cho bà P được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại biên bản xác minh của Công an phường Tân Định cung cấp: Ông Nguyễn Phước A, sinh năm 1991, có đăng ký tạm trú tại D5-11, tổ 8, khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh B. Trước đây, ông A có sinh sống tại địa chỉ này nhưng sau đó ông A chuyển đến sinh sống tại nhà trọ Nguyễn Văn H, tổ 11, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B. Hiện ông A vẫn còn sinh sống tại nhà trọ Nguyễn Văn H, tổ 11, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông A vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bị đơn ông Nguyễn Phước A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Phước A không cung cấp bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

Bà Trần Thị Mỹ P và ông Nguyễn Phước A tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2016 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh A. Như vậy, hôn nhân giữa bà P và ông A là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà P trình bày mâu thuẫn giữa bà và ông A đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà P yêu cầu ly hôn với ông A.

Bị đơn ông A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/02/2022, Trưởng Ban điều hành khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B cung cấp: Ông Nguyễn Phước A, sinh năm 1991, có ở tại nhà trọ Nguyễn Văn H, tổ 11, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B. Ông A sống riêng không sống chung với vợ con, khu phố 1, không nắm rõ tình trạng hôn nhân, nguyên nhân nảy sinh tranh chấp giữa bà P và ông A do không có ai yêu cầu hòa giải giữa ông A và bà P.

Xét thấy, ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông A vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, điều đó cho thấy ông A không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn với bà P. Ông A không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho nguyên đơn ly hôn để sớm ổn định cuộc sống cho hai bên. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Bà P tự khai không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ P đối với bị đơn ông Nguyễn Phước A về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ P được ly hôn với ông Nguyễn Phước A.

- Về con chung: Bà P tự khai không có con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004621 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện P, tỉnh A.
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Bích